

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 683/2024/HC-PT

Ngày: 30/12/2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 490/2024/TLPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13995/2024/QĐPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Y, tỉnh B; địa chỉ: Số 18 đường Hồ Công D, khu II, thị trấn Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại L1 - Chủ tịch UBND thị xã Y; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hoàng B - Phó Chủ tịch UBND thị xã Y; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Y: Bà Thân Thị L2 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Y; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Diệp L3, sinh năm 1964; vắng mặt.

3.3. Bà Giáp Thị C, sinh năm 1968; vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị L4, sinh năm 1989; vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1993; vắng mặt.

3.6. Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 2004; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang.

3.3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023 và ý kiến của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T1 đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với các thửa đất số 207, 73, cùng tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (sau đây thống nhất viết là thị xã Y, tỉnh Bắc Giang).

- Buộc UBND thị xã Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông Nguyễn Văn T1.

Căn cứ ông đề nghị Tòa án giải quyết hủy các quyết định nêu trên bởi vì:

Nguồn gốc thửa đất: Ông cho rằng gia đình ông sử dụng ổn định thửa đất số 74 và thửa đất số 207, cùng tờ bản đồ số 4, tại thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 1980 đến nay. Ngày 20/12/1999, gia đình ông được UBND thị xã Y cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 74, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích thửa đất là 440m² theo GCNQSDĐ số N818307. Đối với thửa đất số 207 chưa được cấp GCNQSDĐ; nguồn gốc đất là do năm 2016 ông T1 được nhận tặng cho từ bố ông là cụ Nguyễn Văn I.

Trong khoảng thời gian từ năm 2008-2020, gia đình ông chuyển vào Đồng Nai sinh sống chỉ còn bố ông ở lại địa phương sinh sống. Vào tháng 5/2022, ông Nguyễn Diệp L3 (chủ sử dụng thửa đất 73, tờ bản đồ số 4) có làm đơn xác định ranh giới gửi đến UBND xã V. Ông không đồng ý với ranh giới do ông L3 tự ý xác lập, đồng thời yêu cầu ông L trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho ông, tháo dỡ bức tường đã xây dựng trái phép nhưng ông L3 không đồng ý.

Qua hai lần hòa giải tại địa phương, ông mới được biết gia đình ông Nguyễn Diệp L3 đã được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 04 vào năm 1999. Trong khi đó gia đình ông vẫn luôn sinh sống ổn định trên thửa đất này nhưng lại cấp GCNQSDĐ cho ông L3.

Đối với thửa đất số 73, UBND thị xã Y đã cấp GCNQSDĐ cho ông L3 có sự sai sót trong số liệu giữa đo đạc hiện trạng khi cấp GCNQSDĐ lần đầu. Do sai số, gia đình ông L3 đã xây dựng lấn sang phần đất của nhà ông.

Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của các thửa đất số 73, 207 đều không được niêm yết tại địa phương và ông chưa bao giờ ký vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới để cấp GCNQSDĐ lần đầu cho gia đình ông L3 vào năm 1999.

Theo UBND thị xã Việt Yên do ông Lê Hoàng B, Phó Chủ tịch trình bày:

Các thửa đất ông T đang có yêu cầu xem xét là các thửa số 74, 207, 73 tại thôn C, xã V.

Đối với nguồn gốc thửa đất số 74 là của gia đình ông Nguyễn Văn I (bố ông T), được UBND thị xã Y cấp GCNQSDĐ ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Đến ngày 16/01/2017, gia đình ông T phân chia quyền sử dụng đất thửa đất này cho ông T với diện tích là 440m².

Xem xét sơ đồ thửa đất số 74 trên GCNQSDĐ thấy với kích thước 4 cạnh thửa đất thì diện tích tính toán không bằng 440m² như diện tích nêu trong GCNQSDĐ (phía Đông 16,9m; phía Tây 15,7m; phía Nam 15,7m; phía Bắc 16,9m). Như vậy, trên GCNQSDĐ thể hiện thửa đất số 74 có diện tích 440m² là có sai sót tính toán. Ngoài ra, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không có ngày, tháng UBND xã ký duyệt; không có ngày, tháng và ký duyệt của phòng Địa chính nông nghiệp (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường).

Các thửa số 207, 73 có nguồn gốc là đất của gia đình ông Nguyễn Diệp L3, được UBND thị xã cấp GCNQSDĐ số vào sổ 02436 ngày 20/12/1999 mang tên hộ ông Nguyễn Diệp L3 (02 thửa cấp chung 01 GCNQSDĐ). Kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ thấy đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không có ngày, tháng UBND xã ký duyệt; không có ngày, tháng và ký duyệt của phòng Địa chính nông nghiệp (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường).

Về quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 73 và thửa đất số 207, ông L3 sử dụng ổn định, gia đình ông T không sử dụng và ông T1 cũng không cung cấp được giấy tờ minh chứng thửa đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông I (bố ông T).

Diện tích cấp GCNQSDĐ các thửa đất số 207, 73 tính toán khi cấp GCNQSDĐ có sai sót, ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của gia đình ông I nhưng không thuộc trường hợp phải thu hồi GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Về đối tượng: Việc cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông I được Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã xét duyệt, tổ chức niêm yết công khai tại địa phương. Do đó, UBND thị xã không có ý kiến gì liên quan đến đối tượng cấp GCNQSDĐ; UBND thị xã không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

- Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND thị xã Y cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND thị xã Y cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn C, xã V, thị xã Y và buộc UBND thị xã Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 164 và Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND thị xã Y cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4, địa chỉ thôn C, xã V, thị xã Y và buộc UBND thị xã Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông Nguyễn Văn T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/7/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Dương Thị H1 đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung, các tài liệu, chứng cứ của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tổ tụng: Các ngày 04/11/2022 và 25/11/2022, ông Nguyễn Văn T1 tham gia hai lần hòa giải tại địa phương, ông T1 mới được biết gia đình ông Nguyễn Diệp L3 được UBND thị xã Y cấp GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, thị xã Y, tỉnh Bắc Giang. Ngày 12/10/2023, ông T1 làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang buộc UBND huyện Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông Nguyễn Văn T1; buộc UBND thị xã Y hủy bỏ GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho hộ ông L3 đối với các thửa đất số 207, 73 cùng tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 207 cho ông T1. Khiếu

kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND thị xã Việt Y cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4 địa chỉ thôn C, xã V và buộc UBND thị xã Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V cho ông T1. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND thị xã Y cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4 địa chỉ thôn C, xã V và buộc UBND thị xã Y thu hồi một phần quyết định hành chính và cấp lại GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 19, tờ bản đồ số 34) diện tích 440m² tại thôn C, xã V cho ông T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 164 và Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu đề nghị hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V.

[3.1] Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: Ủy ban nhân dân huyện Y (nay là thị xã Y) cấp GCNQSDĐ N18375 ngày 20/12/1999 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai 1993.

[3.2] Xét về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: Trình tự, thủ tục để cấp GCNQSDĐ có thiếu sót là Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không có ngày, tháng UBND xã ký duyệt; không có ngày, tháng ký duyệt của phòng Địa chính nông nghiệp (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường) nhưng việc sai sót này không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của gia đình ông L3. Việc cấp GCNQSDĐ cho các đối tượng sử dụng đất đã được Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã xét duyệt, tổ chức niêm yết công khai tại địa phương. Ông T1 cho rằng chữ ký của ông trong Biên bản xác định ranh giới, mốc giới trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 1999 là giả mạo nhưng không đề nghị giám định chữ ký nên không có cơ sở để xem xét.

[3.3] Về nội dung: Ông T1 cho rằng gia đình ông sử dụng ổn định thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thị xã Y, tỉnh Bắc Giang) từ năm 1980 đến nay nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ; nguồn gốc do bố ông là cụ Nguyễn Văn I nhận chuyển nhượng của ông Giáp Văn O và năm 2016 ông T được nhận tặng cho từ bố ông. Tuy nhiên, ông T1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh thửa đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình cụ Nguyễn Văn T3 hay trước đó là của ông Giáp Văn O. Mặt khác, năm 1999, cụ I không đăng ký kê khai để cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 207; sau khi được cấp GCNQSDĐ hộ gia đình cụ I cũng không có khiếu nại gì. Thửa đất số 207 do ông L3 đăng ký kê khai để cấp GCNQSDĐ năm 1999 và đã được cấp GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999; hộ gia đình ông L3 sử dụng đất ổn định, gia đình ông T1 không sử dụng thửa đất số 207. Do đó, UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với

thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là thị xã Y, tỉnh Bắc Giang) là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 đề nghị hủy GCNQSDĐ số N18375 ngày 20/12/1999 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho hộ ông Nguyễn Diệp L3 đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4 tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm được trừ số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001396 ngày 22/7/2024 của Cục thi hành án tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh Phan Thị Vân Hương

Lê Thị Thúy Bình

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình